

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN**

*Báo cáo tài chính*

*cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012*

*đã được soát xét*



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
**AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)**

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers  
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

## NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05 - 29
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 29

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn được thành lập theo Quyết định số 482-QĐ/UB ngày 01/12/1992 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tây và được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2369/QĐ-UB ngày 13/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Sài Sơn - Huyện Quốc Oai - Thành phố Hà Nội

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Bổng	Chủ tịch
Ông Vương Văn Long	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Long	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Năng	Thành viên
Ông Phùng Minh Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Bổng	Giám đốc
Ông Vương Văn Long	Phó Giám đốc
Ông Phùng Minh Tuấn	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Phú Hùng	Trưởng ban
Ông Đỗ Khắc Thường	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Hoàn	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;



- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc.



Nguyễn Văn Bổng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012





Số : 1072/2012/BC.KTTC-AASC.KT5

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012  
của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn được lập ngày 20 tháng 07 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên các thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ bảo đảm thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV  
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2012

**Trần Thị Mai Hương**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0593/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>191.531.182.417</b>	<b>156.770.884.891</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>1.318.948.121</b>	<b>4.215.512.589</b>
111	1. Tiền		1.318.948.121	4.215.512.589
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>6.070.000.000</b>	<b>240.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		6.070.000.000	240.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>151.993.011.116</b>	<b>135.193.977.969</b>
131	1. Phải thu khách hàng		4.200.413.432	3.483.835.194
132	2. Trả trước cho người bán		14.302.427.093	9.989.963.673
135	3. Các khoản phải thu khác	5	134.236.790.824	122.466.799.335
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(746.620.233)	(746.620.233)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>31.468.013.819</b>	<b>16.341.743.908</b>
141	1. Hàng tồn kho		31.468.013.819	16.341.743.908
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>681.209.361</b>	<b>779.650.425</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		122.142.857	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		202.688.379	380.631.646
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	7	356.378.125	399.018.779
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>428.488.790.394</b>	<b>436.306.212.856</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>408.483.790.394</b>	<b>416.301.212.856</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	408.483.790.394	416.301.212.856
222	- Nguyên giá		462.268.150.224	461.757.663.765
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(53.784.359.830)	(45.456.450.909)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		1.817.600	1.817.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.817.600)	(1.817.600)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>20.005.000.000</b>	<b>20.005.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		20.000.000.000	20.000.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>620.019.972.811</b>	<b>593.077.097.747</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>335.193.848.499</b>	<b>298.347.183.164</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>155.987.433.615</b>	<b>126.045.525.480</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	59.003.955.186	43.128.889.091
312	2. Phải trả người bán		39.580.745.033	45.027.291.784
313	3. Người mua trả tiền trước		3.635.035.792	429.939.154
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	11.238.358.235	8.316.480.482
315	5. Phải trả người lao động		3.199.622.256	3.158.419.097
316	6. Chi phí phải trả	12	1.556.485.268	6.824.583.496
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	36.533.872.109	16.742.403.640
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.239.359.736	2.417.518.736
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>179.206.414.884</b>	<b>172.301.657.684</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	14	98.783.920.880	92.954.163.680
334	2. Vay và nợ dài hạn	15	80.422.494.004	79.347.494.004
<b>400</b>	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>284.826.124.312</b>	<b>294.729.914.583</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>284.826.124.312</b>	<b>294.729.914.583</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		97.580.000.000	97.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.815.713.000	57.815.713.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		96.099.124.551	96.099.124.551
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		9.758.000.000	8.803.840.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.571.475.498	34.429.425.769
421	6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1.811.263	1.811.263
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>620.019.972.811</b>	<b>593.077.097.747</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công của Công ty Sài Sơn II		-	517.969.922
4. Nợ khó đòi đã xử lý		373.209.935	373.209.935



Phan Quỳnh Anh  
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Bổng  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	121.684.929.826	134.449.278.946
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		121.684.929.826	134.449.278.946
11	4. Giá vốn hàng bán	18	99.868.326.504	112.642.154.826
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.816.603.322	21.807.124.120
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	2.014.614.401	1.010.475.642
22	7. Chi phí tài chính	20	15.854.221.552	124.025.009
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		15.635.265.062	124.025.009
24	8. Chi phí bán hàng		2.014.749.744	1.821.033.266
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.190.321.939	4.906.005.970
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		771.924.488	15.966.535.517
31	11. Thu nhập khác		157.181.818	4.837.644.174
32	12. Chi phí khác		620.223.000	1.126.222.577
40	13. Lợi nhuận khác		(463.041.182)	3.711.421.597
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		308.883.306	19.677.957.114
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	299.091.577	4.919.489.279
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.791.729	14.758.467.835
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	1	1.512

  
Phan Quỳnh Anh  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Bổng  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		308.883.306	19.677.957.114
	2. Điều chỉnh cho các khoản		22.219.631.010	(3.437.667.799)
02	Khấu hao tài sản cố định		8.756.480.349	1.160.204.431
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.172.114.401)	(4.721.897.239)
06	Chi phí lãi vay		15.635.265.062	124.025.009
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.528.514.316	16.240.289.315
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(16.578.449.226)	(13.480.610.729)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(15.126.269.911)	(5.708.766.836)
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		23.194.544.142	(4.460.005.926)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(122.142.857)	53.058.837
13	Tiền lãi vay đã trả		(16.469.379.526)	(11.193.150.846)
14	Thuế TNDN đã nộp		-	(4.002.846.634)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.469.000	443.470.274
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.058.210.000)	(7.643.855.050)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.628.924.062)	(29.752.417.595)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		(939.057.887)	(15.979.317.900)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS dài hạn khác		157.500.000	2.773.977.423
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.000.000.000)	(15.567.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		170.000.000	39.657.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		150.153.386	1.010.475.642
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.461.404.501)	11.895.135.165
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		87.570.826.646	29.566.218.283
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(70.620.760.551)	(22.157.907.443)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.756.302.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.193.764.095	7.408.310.840



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.896.564.468)	(10.448.971.590)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		4.215.512.589	12.000.022.356
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1.318.948.121	1.551.050.766



Phan Quỳnh Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bổng  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn được thành lập theo Quyết định số 482-QĐ/UB ngày 01/12/1992 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tây và được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2369/QĐ-UB ngày 13/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : Xã Sài Sơn - Huyện Quốc Oai - Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 97.580.000.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Chương Mỹ	Chương Mỹ, Hà Nội	Sản xuất và bán xi măng
Nhà máy Xi măng Nam Sơn	Xã Nam Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	Sản xuất Clinker và bán Clinker

Theo quyết định Hội đồng quản trị số 3290/ QĐ-HĐQT ngày 27/06/2012, quyết định giải thể chi nhánh Chương Mỹ từ ngày 28/06/2012.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh xi măng clinke và vật liệu xây dựng;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ du lịch.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính

**2.3. Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 08 năm

## 2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Công ty CP Xi măng Sài Sơn II là Công ty liên kết của Công ty CP Xi măng Sài Sơn, Công ty này đang trong quá trình đầu tư nên chưa thu được lợi nhuận.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## 2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### 2.13. Ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 2.14. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.15. Các khoản thuế

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.